

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2021/DS-ST**
Ngày: 23-6-2021
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện;

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST- DS, ngày 29/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-DS ngày 26/5/2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Cao P**, sinh năm 1953; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Z, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021, bản khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao P trình bày: Ông Cao P chuyên mua bán thức ăn gia súc, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Ông P từng bán thức ăn gia súc cho bà Nguyễn Thị M từ tháng 4/2011. Tất cả những lần bà M mua đều ghi sổ nợ do ông P lập và theo dõi. Thường sau khi bán heo xong bà M mới thanh toán tiền cho ông P. Ngày 3/11/2017 bà M mua lần cuối cùng, sau đó không mua thức ăn gia súc của ông P nữa. Hai bên kết nợ, bà M còn nợ ông P số tiền 314.735.000 đồng. Trước đó bà M có trả cho ông P 03 lần tiền như sau: Ngày 01/7/2017 bà M trả được 20.000.000 đồng; ngày 25/7/2017 trả 15.000.000 đồng và ngày 7/10/2017 trả 30.000.000 đồng. Đến ngày 10/8/2019 ông P và bà M kết nợ lại lần cuối, thì bà M còn nợ ông P số tiền 249.735.000 đồng và bà M có ký xác nhận trong “*Giấy xác nhận thanh toán*”. Đến ngày 5/5/2020 bà M có trả cho ông P số tiền 50.000.000 đồng, hiện còn nợ lại số tiền 199.735.000 đồng. Nay ông P yêu cầu bà M phải trả số tiền 199.735.000 đồng và tiền lãi từ ngày 5/5/2020 cho đến nay, với lãi suất là 10%/năm.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 Giấy xác nhận thanh toán đề ngày 10/8/2019, có chữ ký của ông Cao P và bà Nguyễn Thị M; 01 tờ giấy tính sổ đầu tư cám heo bà Nguyễn Thị M, có chữ ký của bà Nguyễn Thị M.

-Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và ông P là chỗ quen biết nhau, bà M cũng từng vay tiền của ông P để làm ăn. Bà M bắt đầu mua cám của ông P về nuôi heo từ năm 2004. Hình thức mua cám về nuôi heo, đến khi bán heo bà M đều thanh toán đầy đủ cho ông P. Sau này bà M đầu tư nuôi thêm heo nái, cộng với bệnh dịch và bản thân bà M bị mổ ruột thừa. nên không tiếp xúc với đàn heo; từ đó heo bị dịch chết, cộng với giá heo giảm dẫn đến bà M bị lỗ nặng. Sau khi hai bên ngưng mua bán, ông P và bà M kết sổ lần cuối (vào thời gian nào bà M không nhớ). Nay bà M thừa nhận còn nợ ông P số tiền mua thức ăn gia súc là 199.735.000 đồng. Bà M xin trả

dần mỗi năm 10.000.000, nếu năm nào có điều kiện thì bà M trả nhiều hơn; còn tiền lãi bà M không đồng ý trả, vì khi ông P bán cám đã tính lãi trong giá rồi.

-Tình tiết trong vụ án các đương sự thống nhất: Bà M thừa nhận còn nợ tiền đầu tư thức ăn gia súc cho bà M là 199.735.000 đồng.

-Tình tiết trong vụ án các đương sự không thống nhất: Bà M không đồng ý trả lãi 10%/năm theo yêu cầu của ông P.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý hồ sơ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Có đủ chứng cứ để buộc bà M phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ mua thức ăn gia súc cho ông P 199.735.000 đồng và tiền lãi theo 0,83%/tháng từ 5/5/2020 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Ông Cao P là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Giao dịch mua bán giữa các bên thực hiện trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và kéo dài đến ngày 3/11/2017 kết thúc; đồng thời ngày 10/8/2019 hai bên kết nợ lần cuối, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là phù hợp điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà M trả số tiền còn nợ khi mua thức ăn gia súc 199.735.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự. Bởi bà M thừa nhận số nợ của ông P, đồng thời ông P có đầy

đủ chứng cứ về số nợ này là “Giấy xác nhận thanh toán” ngày 10/8/2019, trong giấy này bà M cũng đã ký xác nhận. Việc bà M xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng là không thể chấp nhận. Vì trả theo cách thức này thì ông P không thể thu hồi được nợ, do kéo dài thời hạn trả nợ đến 20 năm sau.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông P yêu cầu bà M phải trả lãi suất từ ngày trả nợ lần cuối (ngày 5/5/2020) cho đến khi xét xử, với mức lãi 10%/năm là phù hợp Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bởi vì trong giấy xác nhận thanh toán giữa hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Do đó kể từ ngày hai bên gút nợ cuối cùng, thì bên có nghĩa vụ trả nợ là bà M phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả. Bà M không đồng ý trả lãi cho ông P, vì cho rằng khi bán cam cho bà M ông P đã tính lãi rồi. Xét thấy việc mua bán giữa hai bên là do thỏa thuận- thuận mua, vừa bán, đồng thời khi mua bán tất nhiên phải có lãi. Từ đó áp dụng lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để buộc bà M phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả, tính từ ngày 6/5/2020 (ngày bà M trả nợ lần cuối) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông Cao P số tiền 222.316.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng), trong đó tiền gốc 199.735.000 đồng và tiền lãi 22.581.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Cao P cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị M còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 11.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 23/6/2021, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái